

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2021/HSST

Ngày 17 - 8 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Mậu Hiệu, cán bộ UBND xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Bà Nguyễn Thị Hồng Minh, phó Bí thư Huyện Đoàn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Ngô Đình Mười, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2021/TLST-HS ngày 23/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HS ngày 03/8/2021 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 22 tháng 01 năm 1995, tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không tôn giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th và bà Phan Thị D; vợ Đỗ Thị D (Đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình từ ngày 10/5/2021 cho đến nay, có mặt.

Bị hại:

Anh Lê Ngọc Ph, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và làm chứng:

Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn G, xã Tr, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Anh Phan Văn Tr, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người làm chứng:

Anh Lê Đình Vinh Q, sinh ngày 06/6/2003, địa chỉ: Đội 2, thôn X, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người đại diện của anh Lê Đình Vinh Q:

Ông Lê Đình M (bố đẻ của Lê Đình Vinh Q), địa chỉ: Đội 2, thôn X, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 06/5/2021, Trần Văn T đi bộ từ nhà của T ở thôn T, xã Ph, huyện L, tỉnh Quảng Bình đến nhà anh Lê Ngọc Ph ở cùng thôn để trộm cắp tài sản. Đến nơi, T leo qua hàng rào rồi đi vào phòng bếp, thấy có 01 máy cưa xích cầm tay nhãn hiệu STIHL, T lấy bỏ vào 01 bao lác, rồi đưa đến cất giấu ở nương nước gần nhà T. Sau đó, T gọi điện thoại cho Phan Văn Tr thì Lê Đình Vinh Q nghe máy. T hỏi Q đến T nhờ tí việc, Quang đồng ý và điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 73H1- 015.9. đến gặp T. T điều khiển xe chở Q ngồi sau ôm bao lác đựng máy cưa đến quán chị Võ Thị Thanh T ở thôn G, xã Tr, huyện L, tỉnh Quảng Bình, Q đứng ngoài chờ, T đưa máy cưa vào bán cho chị T với giá 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền bán được, T sử dụng tiêu xài cá nhân.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh Quảng Bình đã tạm giữ 01 máy cưa xích cầm tay nhãn hiệu STIHL đã qua sử dụng; ngày 26/6/2021, đã trả lại tài sản cho anh Lê Ngọc Ph.

Về dân sự: Bị hại Lê Ngọc Ph đã nhận lại tài sản của mình và không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Võ Thị Thanh T yêu cầu Trần Văn T trả lại số tiền 1.200.000 đồng chị đã trả tiền mua máy cưa.

Tại Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐG ngày 09/5/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình kết luận: Máy cưa xích cầm tay nhãn hiệu STIHL đã qua sử dụng có giá trị là 3.500.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 54/CT-VKSNDLT ngày 23/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy truy tố bị cáo Trần Văn T tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i và s khoản 1 Điều 51; các khoản 1 và 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn T từ 04 tháng đến 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 579 và 580 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Trần Văn T hoàn trả cho chị Võ Thị Thanh T số tiền 1.200.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi bị hại, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ để làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tang vật vụ án đã thu giữ cũng như

các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Bị cáo Trần Văn T lợi dụng sự quen biết với bị hại, biết được nơi để tài sản của chủ sở hữu, đã lén lút lấy trộm 01 máy cưa xích cầm tay nhãn hiệu STIHL (máy cưa đã qua sử dụng) của anh Lê Ngọc Ph; theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, tài sản T trộm cắp trị giá 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận Trần Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Đánh giá về nhân thân, tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhưng hành vi lén lút trộm cắp 01 máy cưa xích cầm tay nhãn hiệu STIHL của anh Lê Ngọc Ph đã gây tâm lý hoang mang, lo lắng, bất bình trong nhân dân; ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng hành vi của bị cáo lợi dụng mối quan hệ làng xóm với bị hại, thường sang nhà bị hại nên biết được vị trí để tài sản trong nhà bị hại, lén lút lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Trong vụ án, Lê Đình Vinh Q đã sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 73H1-015.94 của anh Phan Văn Tr để cùng Tùng đưa máy cưa đi bán, chị Võ Thị Thanh T là người mua lại máy cưa, nhưng những người này không biết đó là tài sản do Tùng trộm cắp mà có nên không phạm tội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Buộc bị cáo Trần Văn T phải hoàn trả cho chị Võ Thị Thanh T số tiền 1.200.000 đồng là số tiền chị T đã trả tiền mua máy cưa cho T.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện Lệ Thủy đã trả lại tài sản cho bị hại phù hợp với Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Văn Tùng phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, bị hại, đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i và s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 579 và 580 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án:

1/ Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

2/ Xử phạt Trần Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (10/5/2021).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn T với thời hạn 40 ngày, kể từ ngày 22/8/2021 để đảm bảo thi hành án theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Xử buộc Trần Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Võ Thị Thanh T số tiền 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

4/ Về án phí: Xử buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/8/2021) để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- CA huyện Lệ Thủy (02 bản);
- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn

